

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số 144/QĐ-HVTC ngày 05 / 9 /2025 của Giám đốc Học viện Tài chính)

- NGÀNH ĐÀO TẠO:	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (Tên Tiếng Anh: Finance Banking)
- MÃ NGÀNH:	7340201
- TÊN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:	ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tên Tiếng Anh: Financial Investment)
- MÃ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:	01.19
- TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO:	Đại học (Chương trình chuẩn)
- HÌNH THỨC ĐÀO TẠO:	Chính quy
- VĂN BẰNG TỐT NGHIỆP:	Cử nhân
- ĐƠN VỊ CẤP BẰNG	Học viện Tài chính
- ÁP DỤNG TỪ NĂM TUYỂN SINH:	2025 (Từ khóa 63)

1. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm

2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

2.1. Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo (CTĐT) Đầu tư tài chính, ngành Tài chính - Ngân hàng (TC-NH), trình độ đại học là chương trình định hướng ứng dụng, nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, sức khỏe tốt và ý thức công dân toàn cầu. Người học được trang bị kiến thức chuyên sâu về đầu tư tài chính, có năng lực thực hành nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập toàn cầu. Sau khi tốt nghiệp, người học có nền tảng vững chắc về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị - pháp luật và ngoại ngữ; được trang bị hệ thống kiến thức toàn diện trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kinh tế, quản lý và quản trị, đặc biệt là chuyên môn sâu về đầu tư tài chính. Bên cạnh kiến thức chuyên môn, người học phát triển kỹ năng giao tiếp, ứng xử chuyên nghiệp, giải quyết vấn đề, tư duy phản biện, tư duy khoa học và sáng tạo; có năng lực lãnh đạo, quản lý, tư duy đổi mới và khả năng thích ứng nhanh với môi trường làm việc đa dạng. Người học cũng được rèn luyện tính tự chủ, tinh thần trách nhiệm, khả năng tự học suốt đời, khởi nghiệp và hội nhập linh hoạt trong bối cảnh chuyển đổi số và toàn cầu hóa.

2.2. Mục tiêu cụ thể (PO: Program Objectives):

2.2.1. Về kiến thức

PO1: - Có kiến thức nền tảng về: khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị, pháp luật; công nghệ thông tin (CNTT) và trí tuệ nhân tạo (AI), Tiếng Anh cơ bản để vận dụng vào nghề nghiệp, cuộc sống.

- Có kiến thức cơ bản về giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQP&AN), giáo dục thể chất (GDTC) nhằm rèn luyện sức khỏe; ý thức kỷ luật và trách nhiệm công dân.

PO2: Có kiến thức cơ bản về tài chính, ngân hàng, kế toán, kinh tế, quản lý và pháp luật kinh tế phục vụ cho việc phân tích, đánh giá và giải quyết tốt các vấn đề về lĩnh vực Đầu tư tài chính trong môi trường làm việc thực tế; có năng lực, khả năng ứng dụng tiếng Anh chuyên sâu và công nghệ số trong công việc chuyên môn.

PO3: - Có kiến thức chung về các lĩnh vực của ngành TC-NH và Kinh tế quốc tế để làm nền tảng đào tạo chuyên sâu lĩnh vực Đầu tư tài chính.

- Có kiến thức chuyên môn khác về các lĩnh vực: TC-NH, Kế toán, Kiểm toán, Quản trị kinh doanh, Marketing, Bảo hiểm hỗ trợ chuyên sâu cho lĩnh vực Đầu tư tài chính để người học sau khi tốt nghiệp trở thành chuyên gia về lĩnh vực được đào tạo và mở rộng cơ hội nghề nghiệp sau tốt nghiệp.

PO4: - Có kiến thức toàn diện và chuyên sâu về thị trường tài chính, bao gồm thị trường tiền tệ, ngoại hối và chứng khoán; hiểu rõ cơ chế hoạt động, vai trò của các thị trường, phương thức phát hành, giao dịch chứng khoán và nắm được kiến thức cơ bản về phân tích, đầu tư chứng khoán.

- Có kiến thức chuyên sâu về Đầu tư tài chính để thực hiện công việc chuyên môn; quản lý, tư vấn, tham mưu ra quyết định tối ưu.

- Có kiến thức thực tế vững chắc, thực hành nghề nghiệp.

2.2.2. Về kỹ năng

PO5: - Có kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu để giải quyết những vấn đề cụ thể hoặc phức tạp liên quan đến lĩnh vực Đầu tư tài chính và lĩnh vực hỗ trợ khác.

- Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử, làm việc khoa học và chuyên nghiệp; biết dẫn dắt chuyên môn, tự cập nhật kiến thức phục vụ công việc;...

- Có kỹ năng học tập, nghiên cứu đáp ứng yêu cầu chuẩn CNTT, ngoại ngữ theo quy định hiện hành để phục vụ công việc.

2.2.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PO6: - Có khả năng áp dụng kiến thức, kỹ năng đã được đào tạo để tổ chức, thực hiện tốt nhất công việc với cá nhân, nhóm, tập thể một cách khoa học, chuyên nghiệp; tự chịu trách nhiệm cá nhân.

- Có trách nhiệm với tập thể/đơn vị, nhóm, cộng đồng và xã hội; có ý thức kỷ luật; tuân thủ pháp luật.

2.3. Khả năng học tập nâng cao trình độ của người học sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng tiếp tục học tập ở bậc cao hơn tại các cơ sở giáo dục đại học uy tín trong nước và quốc tế.

- Có khả năng tự học, cập nhật, bổ sung các kiến thức mới phục vụ công tác chuyên môn.

- Có khả năng tham gia các kỳ thi lấy chứng chỉ nghiệp vụ và tự cập nhật, bổ sung kiến thức để dự thi lấy các chứng chỉ liên quan.

- Có cơ hội nhận được bằng đại học thứ 2 ngành đào tạo khác của Học viện nếu người học đăng ký học cùng lúc 2 chương trình.

2.4. Về vị trí/chức danh làm việc sau khi tốt nghiệp

Người học tốt nghiệp CTĐT Đầu tư tài chính có thể đảm nhận nhiều vị trí chuyên môn trong các lĩnh vực đầu tư tài chính, ngân hàng, quản lý rủi ro, bảo hiểm, kế toán, kiểm toán và kinh doanh tài chính. Với nền tảng kiến thức sâu rộng và thực tiễn, người học có thể làm việc tại:

- Các cơ quan nhà nước: Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán, Ngân hàng Nhà nước, hoặc các sở, ban, ngành liên quan đến lĩnh vực tài chính.

- Các tổ chức tài chính, doanh nghiệp trong nước và quốc tế: công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty tài chính, ngân hàng thương mại, công ty bảo hiểm...

- Các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu: đảm nhiệm vai trò giảng viên, chuyên gia tư vấn, nghiên cứu viên trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng và Đầu tư tài chính.

- Các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp, quỹ đầu tư mạo hiểm, trung tâm đổi mới sáng tạo, hoặc trực tiếp khởi nghiệp trong lĩnh vực đầu tư tài chính.

Ngoài ra, người học có thể đảm nhận các vị trí chuyên biệt như: chuyên gia tài chính, chuyên gia tư vấn đầu tư, nhà môi giới chứng khoán, chuyên viên quản lý tài sản và tài chính cá nhân.

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLO: Program Learning Outcomes)

Người học sau khi tốt nghiệp CTĐT Đầu tư tài chính, ngành TC-NH, đạt chuẩn kiến thức của trình độ đại học; có kiến thức lý thuyết và thực tiễn vững chắc, toàn diện và chuyên sâu về lĩnh vực đầu tư tài chính; có kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp và ứng xử chuyên nghiệp; có khả năng tự chủ, trách nhiệm và thích nghi với bối cảnh hội nhập quốc tế. Cụ thể:

3.1. Về kiến thức:

3.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

PLO1: Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam vào phân tích, giải quyết các vấn đề thực tiễn và cuộc sống; hình thành thế giới quan, nhân sinh quan tiến bộ, phương pháp luận khoa học để học tập, nghiên cứu và làm việc chuyên môn.

PLO2: - Hiểu và giải thích được các kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và pháp luật, để phục vụ nghiên cứu tổng quan, nghiên cứu khoa học và giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc phạm vi công việc được giao.

- Hiểu và vận dụng được kiến thức về CNTT, có nền tảng trí tuệ nhân tạo (AI), Tiếng Anh cơ bản đáp ứng yêu cầu công việc.

PLO3: Nắm vững kiến thức giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh để rèn luyện sức khỏe đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu, làm việc, góp phần bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế.

3.1.2. Kiến thức cơ sở khối ngành, cơ sở ngành, ngành và bổ trợ

*** Kiến thức cơ sở khối ngành và cơ sở ngành**

PLO4: - Hiểu và vận dụng được các nội dung lý thuyết cơ bản của nguyên lý kinh tế học, nghiên cứu hoạt động của nền kinh tế ở cả cấp độ vi mô và vĩ mô; phân tích các vấn đề chính sách liên quan đến hoạt động thị trường và ra quyết định kinh tế; đồng thời giải thích được các vấn đề kinh tế cụ thể trong thực tiễn.

- Hiểu và vận dụng kiến thức nền tảng, cơ bản về kế toán, tài chính, tiền tệ, pháp luật kinh tế; nguyên lý quản trị rủi ro, kiến thức cốt lõi về TC-NH để phát hiện, nhận diện, phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề chuyên môn liên quan lĩnh vực TC-NH; sử dụng được Tiếng Anh kinh tế, Tiếng Anh chuyên ngành phục vụ học tập, nghiên cứu khoa học và nghiên cứu chuyên sâu.

*** Kiến thức ngành và bổ trợ:**

PLO5: - Vận dụng kiến thức cơ bản về lĩnh vực TC-NH trong mối quan hệ chặt chẽ với các lĩnh vực liên quan.

- Vận dụng, phân tích, đánh giá, luận giải, tổng hợp được các kiến thức toàn diện trong ngành TC-NH: Thuế, Hải quan, Tài chính quốc tế, Tài chính doanh nghiệp căn bản, Ngân hàng thương mại, Phân tích và dự báo dữ liệu tài chính, Phân tích tài chính căn bản, Kinh tế quốc tế tạo nền tảng cho nghiên cứu chuyên sâu về lĩnh vực đầu tư tài chính.

PLO6: Vận dụng, phân tích các kiến thức chuyên sâu cụ thể về: Phân tích TCDN, Phân tích và định giá tài sản tài chính, Thực hành đầu tư tài chính, Đầu tư quốc tế; Kế toán tài chính cơ bản; Kế toán các tổ chức đầu tư tài chính; Kiểm toán căn bản; Marketing căn bản; Quản trị kinh doanh; Bảo hiểm trong tiếp cận, giải quyết vấn đề để bổ trợ chuyên môn cho lĩnh vực Đầu tư tài chính; hướng tới liên thông sang các ngành đào tạo khác và hướng tới để mở rộng cơ hội nghề nghiệp.

3.1.3. Kiến thức chuyên ngành

PLO7: - Phân tích, đánh giá, vận dụng kiến thức cơ bản và chuyên sâu về Đầu tư tài chính để nắm vững nguyên tắc và phương pháp trong lĩnh vực đầu tư tài chính, đồng thời sử dụng thành thạo phần mềm để thực hành nghề nghiệp liên quan đến chuyên môn.

- Phân tích, đánh giá, tổng hợp có hệ thống kiến thức chuyên sâu về phân tích đầu tư tài chính, quản lý danh mục đầu tư, kinh doanh chứng khoán, chứng khoán phái sinh, đầu tư thay thế. Cụ thể:

+ Phân tích cơ bản (vĩ mô, ngành, doanh nghiệp) và phân tích kỹ thuật trên thị trường tài chính; định giá tài sản và đưa ra quyết định đầu tư.

+ Xây dựng danh mục, xác định chiến lược đầu tư, đánh giá hiệu quả và điều chỉnh danh mục phù hợp với biến động thị trường

+ Nhận diện, phân tích và ứng dụng các công cụ phái sinh nhằm phòng ngừa rủi ro và gia tăng hiệu quả đầu tư trên thị trường chứng khoán

+ Nắm vững quy trình và nghiệp vụ như môi giới chứng khoán, tự doanh, bảo lãnh phát hành, tư vấn đầu tư, quản lý quỹ và lưu ký chứng khoán

+ Phân tích đặc điểm, lợi ích và rủi ro của các hình thức đầu tư thay thế (như bất động sản, hàng hóa, quỹ đầu tư tư nhân...) và ứng dụng vào quản lý danh mục.

PLO8: Thiết kế, xây dựng, phát triển được kiến thức thực tế, chuyên sâu; kiến thức thực tế, thực hành nghề nghiệp tại các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, Sở giao dịch chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; có khả năng viết báo cáo thực tập, luận văn tốt nghiệp.

3.2. Về kỹ năng

PLO9: - Có kỹ năng phát hiện, đánh giá, phản biện, xử lý, tham mưu, tư vấn các vấn đề chuyên môn liên quan đến lĩnh vực đầu tư tài chính.

- Có kỹ năng khởi nghiệp và tạo việc làm cho người khác ngành trong ngành Tài chính - Ngân hàng, Đầu tư tài chính hoặc các ngành liên quan.

- Phát triển kỹ năng giao tiếp, ứng xử linh hoạt, phản biện thuyết phục; có khả năng thuyết trình, làm việc độc lập và làm việc nhóm một cách khoa học và chuyên nghiệp để giải quyết hiệu quả các vấn đề thực tiễn.

- Có kỹ năng tự học, đổi mới sáng tạo, nghiên cứu khoa học; biết cách soạn thảo văn bản chuẩn mực, luận giải logic và xử lý vấn đề trên cơ sở lập luận khoa học và thực tiễn.

PLO10: - Có năng lực học tập và nghiên cứu để đạt chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương và năng lực số theo quy định hiện hành; có khả năng tìm kiếm, khai thác, sử dụng và xử lý hiệu quả thông tin, dữ liệu phục vụ công việc chuyên môn..

- Có khả năng học tập và nghiên cứu để đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc tương đương; sử dụng thành thạo tiếng Anh chuyên ngành trong học tập, công việc và giao tiếp quốc tế.

3.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO11: - Có phẩm chất đạo đức tốt; có sức khỏe phù hợp với yêu cầu công việc

- Có tư duy đổi mới và sáng tạo; chủ động, trung thực, khách quan và công tâm trong thực hiện nhiệm vụ; tự tin và kiên trì theo đuổi mục tiêu nghề nghiệp.

- Có khả năng lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, tổ chức thực hiện và giám sát người khác trong các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực đào tạo chuyên sâu;

- Có tinh thần phối hợp công việc với cá nhân, nhóm, tổ chức và cộng đồng trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.

- Chủ động cập nhật và áp dụng các kiến thức mới, kỹ năng được đào tạo để tổ chức, triển khai công việc một cách khoa học, chuyên nghiệp và hiệu quả.

PLO12: Có tinh thần học tập suốt đời; khả năng thích ứng nhanh với sự thay đổi của môi trường nghề nghiệp; có trách nhiệm trong việc tự bồi dưỡng, cập nhật kiến thức nhằm phục vụ khởi nghiệp và phát triển nghề nghiệp bền vững.

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH, TIÊU CHÍ TUYỂN SINH VÀ PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

Thực hiện theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT; quy chế tuyển sinh và thông báo tuyển sinh hàng năm của Học viện Tài chính.

4.1. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc trình độ tương đương.

4.2. Tiêu chí tuyển sinh

- Thí sinh dự tuyển phải đạt ngưỡng đầu vào theo quy định của quy chế, quy định và thông báo tuyển sinh hàng năm của Học viện Tài chính;

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

4.3. Phương thức tuyển sinh: Phương thức tuyển sinh được quy định rõ về các tiêu chí đánh giá, xét tuyển, cách thức tính điểm xét và xác định điều kiện trúng tuyển trong thông báo tuyển sinh hàng năm của Học viện Tài chính.

5. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

5.1. Cấu trúc chương trình tổng thể

TT	Nhóm kiến thức	Số TC	Ghi chú
A	Kiến thức giáo dục đại cương	41	
A1	Kiến thức chung	30	
	Phần bắt buộc	24	
	Phần tự chọn	6	
A2	Kiến thức GDQP&AN, GDTC (*)	11	
B	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	90	
B1	Kiến thức cơ sở khối ngành	6	
B2	Kiến thức cơ sở ngành	24	
B3	Kiến thức ngành	16	
B4	Kiến thức chuyên ngành	14	
	Phần bắt buộc	12	
	Phần tự chọn	2	
B5	Kiến thức bổ trợ	20	
	Phần bắt buộc	12	
	Phần tự chọn	8	
B6	Kiến thức thực tập tốt nghiệp	10	
	Tổng số tín chỉ (gồm khối kiến thức GDQP&AN, GDTC)	131	
	Tổng số tín chỉ (không bao gồm khối kiến thức GDQP&AN, GDTC)	120	

Ghi chú: - (*) Khối lượng kiến thức GDQP&AN: 8 tín chỉ và GDTC: 3 tín chỉ.

- Quy định về ký hiệu mã môn học trong các CTĐT: Từng môn học được ký hiệu bằng một mã số riêng do Học viện quy định.

5.2. Cấu trúc chương trình chi tiết

TT	Mã môn học	Môn học	Số TC	Số tiết	NNGD (T.Anh)
A		PHẦN KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	41		
A1		Kiến thức chung	30		
		<i>Phần bắt buộc</i>	24		
1	MPT0400	Triết học Mác -Lênin	3	45	
2	MPT0401	Kinh tế chính trị Mác -Lênin	2	30	
3	SSO0402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	
4	VPP0401	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	
5	HVE0244	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	
6	BFL0123	Tiếng Anh cơ bản	4	60	
7	AMA0239	Toán cao cấp	3	45	
8	PAS0101	Lý thuyết xác suất và thống kê	2	30	
9	GLA0141	Pháp luật đại cương	2	30	
10	ITO0236	Tin học	2	30	
		<i>Phần tự chọn</i>	6		
		<i>Nhóm 1</i>	2		
11	SRM0300	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	
		<i>Nhóm 2</i>	4		
12	MMO0113	Mô hình toán kinh tế	2	30	
13	EEC0097	Kinh tế môi trường	2	30	
14	MSI0056	Khoa học quản lý	2	30	
15	ALI0100	Trí tuệ nhân tạo	2	30	
A2		Kiến thức GDQP&AN, GDTC	11		
16	MED0345	Giáo dục quốc phòng	8	165	
	AED0030	Giáo dục thể chất	3	90	
		<i>Phần bắt buộc</i>	1		
17	AED0350	Chạy cự ly ngắn	1	30	
18	AED0358	Thể dục phát triển chung	1	30	Online
		<i>Phần tự chọn</i>	2		
19	AED0351	Bóng rổ	2	60	
20	AED0352	Bóng chuyền	2	60	
21	AED0353	Bơi	2	60	
22	AED0354	Bóng bàn	2	60	
23	AED0355	Cầu lông	2	60	

TT	Mã môn học	Môn học	Số TC	Số tiết	NNGD (T.Anh)
24	AED0356	Taekwondo	2	60	
25	AED0359	Thẻ đục phát triển chung với dụng cụ	2	60	Online
B		PHẦN KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	90		
B1		Kiến thức cơ sở khối ngành	6		
26	MAE0012	Kinh tế vĩ mô cơ bản	3	45	
27	MIE0011	Kinh tế vi mô cơ bản	3	45	
B2		Kiến thức cơ sở ngành	24		
28	EFL0012	Tiếng Anh kinh tế	3	45	
29	EFL0011	Tiếng Anh chuyên ngành	4	60	
30	APR0123	Nguyên lý kế toán	4	60	
31	ELA0143	Pháp luật kinh tế	2	30	
32	SPR0124	Nguyên lý thống kê	3	45	
33	FAM0192	Tài chính tiền tệ	4	60	
34	RMP0314	Nguyên lý quản trị rủi ro	2	30	
35	QEC0097	Kinh tế lượng cơ bản	2	30	
B3		Kiến thức ngành	16		
36	TAX0215	Thuế	2	30	
37	IFI0191	Tài chính quốc tế	2	30	
38	CUS0030	Hải quan	2	30	
39	CMB0110	Ngân hàng thương mại	2	30	
40	CFI0301	Tài chính doanh nghiệp căn bản	2	30	
41	BFA0110	Phân tích tài chính căn bản	2	30	
42	FFA0140	Phân tích và dự báo dữ liệu tài chính	2	30	
43	IEC0100	Kinh tế quốc tế	2	30	
B4		Kiến thức chuyên ngành	14		
		Phần bắt buộc	12		
44	SMI0196	Thị trường tài chính	2	30	
45	POM2101	Quản lý danh mục đầu tư	3	45	
46	FIA0058	Phân tích đầu tư tài chính	4	60	
47	SBU0102	Kinh doanh chứng khoán	3	45	
		Phần tự chọn	2		
48	DER0312	Chứng khoán phái sinh	2	30	
49	AIP0348	Đầu tư thay thế	2	30	

TT	Mã môn học	Môn học	Số TC	Số tiết	NNGD (T.Anh)
B5		Kiến thức bổ trợ	20		
		Phần bắt buộc	12		
50	INS0001	Bảo hiểm	2	30	
51	CFA0133	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	45	
52	AFB0010	Kế toán tài chính cơ bản	4	60	
53	AFI0315	Kế toán các tổ chức đầu tư tài chính	3	45	
		Phần tự chọn	8		
		<i>Nhóm 1</i>	2		
54	CPS0001	Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình	1	15	
55	TES0002	Kỹ năng soạn thảo văn bản	1	15	
56	MWS0003	Kỹ năng quản lý và tổ chức công việc	1	15	
57	CNS0004	Kỹ năng tư duy phản biện và đàm phán	1	15	
58	TTS0005	Kỹ năng quản lý thời gian và làm việc nhóm	1	15	
		<i>Nhóm 2</i>	6		
59	IIM0163	Đầu tư quốc tế	2	30	
60	GMA0111	Marketing căn bản	2	30	
61	FAV0311	Phân tích và định giá tài sản tài chính	2	30	
62	GAU0078	Kiểm toán căn bản	2	30	
63	BMA0167	Quản trị kinh doanh	2	30	
64	FIP1020	Thực hành đầu tư tài chính (Financial investment practice)	2	30	Tiếng Anh
B6		Kiến thức thực tập tốt nghiệp	10		
65	SPR0119	Thực tập tốt nghiệp – 01.19	10	150	
		<i>Thực tập cuối khóa (thực hành)</i>	4	60	
		<i>Luận văn tốt nghiệp</i>	6	90	
		Tổng số tín chỉ (gồm khối kiến thức GDQP&AN, GDTC)	131		
		Tổng số tín chỉ (không bao gồm khối kiến thức GDQP&AN, GDTC)	120		

Ghi chú: - Môn học GDTC (online) áp dụng thay thế khi tổ chức học trực tuyến

- Ngôn ngữ giảng dạy (NNGD) chỉ xác định với môn học giảng bằng Tiếng Anh

5.3. Kế hoạch giảng dạy toàn khóa (dự kiến)

TT	NỘI DUNG	HỌC KỲ (dấu x là các kỳ có thể bố trí)							
		1	2	3	4	5	6	7	8
A	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG								
A1	Kiến thức chung	x	x	x	x	x			
	Phần bắt buộc	x	x	x					
	Phần tự chọn	x	x	x	x	x			
A2	Kiến thức GDQP&AN, GDTC	x	x	x	x	x	x		
B	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP								
B1	Kiến thức cơ sở khối ngành		x	x					
B2	Kiến thức cơ sở ngành		x	x	x	x			
B3	Kiến thức ngành			x	x	x	x	x	
B4	Kiến thức chuyên ngành				x	x	x		
	Phần bắt buộc				x	x	x		
	Phần tự chọn				x	x	x		
B5	Kiến thức bổ trợ				x	x	x	x	
	Phần bắt buộc				x	x	x	x	
	Phần tự chọn	x	x	x	x	x	x	x	
B6	Kiến thức thực tập tốt nghiệp						x	x	x

Ghi chú: Kế hoạch giảng dạy trên có tính chất tương đối, việc bố trí kế hoạch giảng dạy thực tế hàng năm phải căn cứ vào quy định về điều kiện học tập của môn học.

6. TỔ CHỨC ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

6.1. Quy trình đào tạo

- CTĐT được thiết kế hoàn thành khóa học 4 năm với tổng 8 học kỳ (trong đó: tối đa 7 học kỳ tích lũy kiến thức tại Học viện và 1 học kỳ thực tập tại cơ sở thực tế/Trung tâm thực hành nghề nghiệp và hoàn thành luận văn tốt nghiệp). Tuy nhiên, tùy theo năng lực của người học có thể hoàn thành khóa học sớm hơn quy định.

- Quy trình đào tạo thực hiện theo quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Học viện Tài chính.

6.2. Phương pháp giảng dạy

- Phương pháp dạy học theo hướng lấy người học làm trung tâm của quá trình đào tạo.

- Phương pháp giảng dạy phù hợp với mục tiêu, nội dung và chuẩn đầu ra của môn học; tích hợp kiến thức lý thuyết, thực tiễn và kỹ năng; tăng cường tính thực tiễn mang lại hiệu quả để giúp sinh viên đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học trong chương trình đào tạo.

- Phương pháp dạy học được áp dụng là phương pháp dạy học tích cực nhằm thúc đẩy sự sáng tạo, chủ động và tích cực của sinh viên; cụ thể: **1)** Phương pháp thuyết giảng; **2)** Phương pháp thảo luận; **3)** Phương pháp làm việc nhóm; **4)** Phương pháp tranh biện; **5)** Phương pháp tình huống; **6)** Phương pháp trải nghiệm thực tế; **7)** Phương pháp thực hành; **8)** Các PP khác phù hợp với đặc thù của môn học/CTĐT.

- Phương pháp giảng dạy khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy – học; kết hợp giữa giảng dạy trên lớp và giảng dạy trên nền tảng số,...nhằm phát triển năng lực nhận biết và phân tích vấn đề thực tiễn.

- Tăng cường giảng dạy theo hình thức hướng dẫn, chú trọng hoạt động trải nghiệm cho sinh viên theo hình thức phù hợp nhằm tăng tính trực quan, tăng động lực học tập, sáng tạo, cải thiện khả năng ứng dụng kiến thức, kỹ năng vào các vấn đề thực tế.

6.3. Đánh giá kết quả học tập và cách thức đánh giá

- Đánh giá kết quả học tập của sinh viên được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra của môn học và chương trình đào tạo.

- Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu ra, xác định mức độ đạt được của người học quy định trong chuẩn đầu ra của mỗi môn học; đánh giá không chỉ tập trung vào kiến thức mà còn đánh giá được năng lực thông qua thực hành phù hợp với phương pháp dạy học, giải quyết vấn đề thực tế, kỹ năng và thái độ của sinh viên.

- Đánh giá kết quả học tập của sinh viên dựa trên đánh giá quá trình và kết quả đánh giá kết thúc môn học; làm cơ sở để điều chỉnh hoạt động dạy – học, ghi nhận và thúc đẩy sự tiến bộ của người học, cải tiến và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

- Phương pháp đánh giá kết quả học tập phù hợp với chuẩn đầu ra của môn học; đặc điểm môn học; phương pháp giảng dạy; đảm bảo tính đa dạng, độ tin cậy và sự công bằng trong hoạt động dạy – học.

- Các thành phần đánh giá kết quả học tập được công khai và có tỷ lệ phù hợp, bao gồm: đánh giá quá trình và đánh giá tích lũy kiến thức; có thể bổ sung các phương pháp đánh giá nếu thấy phù hợp; khuyến khích sinh viên tích lũy kiến thức thông qua việc tự nghiên cứu, tự học.

Các thành phần đánh giá bao gồm:

+ Đánh giá quá trình: có thể dưới hình thức đánh giá ý thức học tập của sinh viên (chuyên cần, thái độ học tập), đánh giá bài tập cá nhân, bài tập nhóm và kiểm tra giữa kỳ theo quy định đào tạo phù hợp với số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo.

+ Đánh giá tích lũy kiến thức: có thể dưới hình thức thi kết thúc môn học hoặc các hình thức đánh giá kết thúc môn học khác.

+ Đánh giá kết quả học tập theo thang điểm 10 kết hợp với thang điểm chữ A, B, C, D, F theo quy định đào tạo hiện hành của Học viện Tài chính.

6.4. Điều kiện công nhận tốt nghiệp

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp nếu đáp ứng được các điều kiện theo quy định đào tạo tín chỉ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Học viện Tài chính.

7. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

- Mỗi CTĐT được xây dựng bản mô tả CTĐT chi tiết riêng. Việc tổ chức xây dựng CTĐT Đầu tư tài chính (Chương trình chuẩn) phù hợp với ngành TC-NH; với tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, chiến lược phát triển đến năm 2030 và tầm nhìn 2045 của Học viện Tài chính.

- Nội dung CTĐT Đầu tư tài chính được thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Học viện Tài chính.

- Định kỳ, Học viện tổ chức rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT trình độ đại học của ngành và CTĐT thuộc ngành theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

TRƯỞNG KHOA

Đoàn Minh Phụng



Nguyễn Đào Tùng